TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 11 – 2022
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hoàng Minh.

Ông Ngô Văn Khon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị D, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số XX, ấp V, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đ.

Chị Trần Thị D, anh Trần Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị D và anh K xác lập quan hệ hôn nhân năm 1998, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu nhau, không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị D và anh K chung sống hạnh phúc đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, không hòa hợp trong cuộc sống và thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân do anh K không chăm lo cho gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài, chị D đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh K không thay đổi. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân

vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay chị Trần Thị D yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị D và anh K có 02 con chung tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 20/5/1988 (đã trưởng thành) và Trần Văn T, sinh ngày 06/8/1991 (chết năm 2010), nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trần Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Anh K thống nhất, anh K và chị D xác lập quan hệ hôn nhân năm 1998, hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự tìm hiểu và không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự thống nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không còn chung sống từ đầu năm 2008 đến nay. Khoảng thời gian sống ly thân, anh K và chị D có hàn gắn tình cảm nhưng không thành.

Nay anh Trần Văn K thống nhất ly hôn với chị Trần Thị D.

Về con chung: Anh K và chị D có 02 con chung tên Trần Thị Ánh T, sinh ngày 20/5/1988 (đã trưởng thành) và Trần Văn T, sinh ngày 06/8/1991 (chết năm 2010), nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện (Bản chính), Căn cước công dân và sổ hộ khẩu của chị Trần Thị D (Bản sao), Giấy khai sinh của Trần Văn T (Bản sao), Giấy khai sinh của Trần Thị Ánh T (Bản sao), Trích lục khai tử của Trần Văn T (Bản sao), Bản tự khai của chị Trần Thị D (Bản chính), Bản tự khai của anh Trần Văn K (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là *"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn K cư trú tại ấp Tây, xã T, huyện T, tỉnh Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng

dân sự.

Chị Trần Thị D và anh Trần Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D, anh K theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn K.

Xét thấy, chị D và anh K chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý"*.

Trong quá trình chung sống chị D và anh K phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không có sự hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có sự thống nhất trong cách sinh hoạt hàng ngày. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị D và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do chị D và anh K không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh K là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Con chung Trần Thị Ánh T, sinh ngày 20/5/1988 (đã trưởng thành) và Trần Văn T, sinh ngày 06/8/1991 (chết năm 2010), nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị D và anh K xác định tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 9 và Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị D.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị D và anh Trần Văn K.

- Về con chung: Con chung Trần Thị Bạch T, sinh ngày 20/5/1988 (đã trưởng thành) và Trần Văn T, sinh ngày 06/8/1991 (chết năm 2010), nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị D và anh K tự thỏa thuận, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0010384 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Trần Thị D đã nộp xong tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Anh Trần Văn K không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Trung